

Số: 1308 /QĐ-UBND

Huế, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Kiểm lâm và Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố, UBND cấp huyện và UBND cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1496/TTr-SNNMT ngày 05 tháng 5 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này chuẩn hóa danh mục 32 thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố, UBND cấp huyện và UBND cấp xã. *(Danh mục TTHC kèm theo)*

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm đồng bộ dữ liệu TTHC mới công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC thành phố theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã ngay sau khi Quyết định này được ký ban hành, hoàn thành trước ngày 19/5/2025.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố, UBND cấp huyện, UBND cấp xã có trách nhiệm:

- Niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND thành phố công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố (<https://dichvucong.hue.gov.vn>) theo quy định.

- Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế các TTHC có số thứ tự từ 51 đến số 82 tại danh mục TTHC trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định số 801/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường (bao gồm thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, UBND cấp huyện và UBND cấp xã).

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Văn phòng Chính phủ);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TTPVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số 1308 /QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
I CẤP TỈNH (21 TTHC)						
1.	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương (1.012921)	30 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024; - <i>Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 25/4/2025;</i> - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025</i>	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm; - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố
2.	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.012687)	55 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế	Không	- Nghị định số 91/2024/ NĐ-CP ngày 18/7/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025</i>	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố
3.	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng (1.011470)	10 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế	Không	- Thông tư số 26/2022/ TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022; - Thông tư số 22/2023/ TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025</i>	Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			(https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Công Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).			
4.	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (3.000198)	18 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Công Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	- Bình tuyển công nhận cây mẹ (cây trội: 450.000 đồng/cây; - Công nhận vườn cây đầu dòng (vườn cung cấp hom): 1.000.000 đồng/giống; - Công nhận rừng giống: 2.750.000 đồng/rừng giống. - Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống	- Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021; - Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018; - Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay UBND thành phố Huế); - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	Chi cục Kiểm lâm

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
5.	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư (1.007918)	15 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm
6.	Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế (1.007917)	- 30 ngày (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa); - 45 ngày (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.
7.	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (1.007916)	(i) Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày. (ii) Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + Trường hợp chủ	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc	Không	- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 24/2024/TT-BNNPTNT; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày. + Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 37 ngày đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế; 42 ngày đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn	Công Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).			

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.				
8.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý (1.000084)	45 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
9.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý (1.000081)	45 ngày	(https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
10.	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (1.000071)	40 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên	Không	- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng thành phố

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
11.	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh) (1.000058)	15 ngày làm việc	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.
12.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức (1.000055)	28 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.
13.	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (1.012692)	- HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng	Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn).	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND thành phố.

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: HĐND cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày.				
14.	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng (1.012691)	20 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Công Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT</i> ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.
15.	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức (1.012689)	20 ngày		Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT</i> ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
16.	Quyết định giao rừng cho tổ chức (1.012688)	35 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND thành phố.
17.	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý (1.012690)	15 ngày	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND thành phố.
18.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng (1.012413)	- Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh: 12 ngày làm việc. - Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan/người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND thành phố.
19.	Phân loại doanh nghiệp	- Trường hợp	- Nộp trực tiếp hoặc	Không	- Nghị định số	Chi cục Kiểm lâm

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (3.000160)	không kiểm tra, xác minh: 05 ngày làm việc. - Trường hợp phải kiểm tra, xác minh: 13 ngày làm việc.	qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)		102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020; - Nghị định 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT</i> ngày 29/4/2025.	
20.	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác (3.000152)	- 35 ngày, kể từ ngày - 48 ngày đối với trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành	(https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT</i> ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường/Chi cục Kiểm lâm - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: HĐND thành phố.
21.	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES (1.004815)	05 ngày làm việc. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, không quá 30 ngày.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (https://dichvucong.hue.gov.vn) hoặc	Không	- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019; - Nghị định số 84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT</i> ngày 29/4/2025.	- Chi cục Kiểm lâm đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES, trừ loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES.

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)			- Chi cục Thủy sản đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES.
II	CẤP HUYỆN (10 TTHC)					
22.	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu (3.000159)	- 04 ngày làm việc. - Khi có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc.	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 102/2020 /NĐ-CP ngày 01/9/2020; - Nghị định 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	Cơ quan Kiểm lâm cấp huyện
23.	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (1.000047)	10 ngày	hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.hue.gov.vn)	Không	- Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025</i>	Cơ quan chuyên môn về kiểm lâm cấp huyện
24.	Xác nhận bảng kê lâm sản (1.000045)	- Trường hợp không xác minh: 02 ngày làm việc. - Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc. - Trường hợp xác	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT; - Nghị định số	Cơ quan chuyên môn về kiểm lâm cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày.	tuyển trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.hue.gov.vn)		84/2021/NĐ-CP ngày 22/9/2021; - Nghị định số 06/2019/ NĐ-CP ngày 22/01/2019; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	
25.	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng (1.012922)	05 ngày		Không	- Nghị định số 140/2024/NĐ-CP ngày 25/10/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	Cơ quan chuyên môn về kiểm lâm cấp huyện hoặc cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao.
26.	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (1.012531)	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.	Không	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	- Cơ quan thực hiện: UBND cấp huyện. - Cơ quan thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.
27.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái (3.000250)	22 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp tuyển trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.hue.gov.vn)	Không	- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023; - <i>Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.</i>	UBND cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
28.	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện (1.011471)	10 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.hue.gov.vn)	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	UBND cấp huyện
29.	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư (1.007919)	15 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	Phòng chức năng cấp huyện hoặc cơ quan Kiểm lâm cấp huyện
30.	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng (1.012695)	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.
31.	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân (1.012694)	20 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về lâm nghiệp cấp huyện.

TT	Tên thủ tục hành chính (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.hue.gov.vn)		<i>1215/QĐ-BNNMT</i> ngày 29/4/2025.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.
III	CẤP XÃ (01 TTHC)					
32.	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư (1.012693)	50 ngày	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND xã. - Nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (https://dichvucong.hue.gov.vn).	Không	- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024; - Quyết định số <i>1215/QĐ-BNNMT</i> ngày 29/4/2025.	- Cơ quan thực hiện: UBND cấp xã. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

*** Ghi chú:**

- Phần chữ nghiêng là nội dung thay đổi (căn cứ pháp lý...);
- Nội dung chi tiết của các TTHC đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) và UBND thành phố công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thành phố Huế (<https://dichvucong.hue.gov.vn>).